

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt gia hạn, điều chỉnh nội dung E-HSMT gói thầu:
Gói thầu số 1: Mua sắm vật tư tiêu hao sử dụng cho phân tích năm 2025,
số TBMT: IB2500459752

**GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM
THUỐC, MỸ PHẨM, THỰC PHẨM HÀ NỘI**

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024,

Căn cứ Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/06/2025 của Quốc hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công 2025;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 4/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/08/2025 của Bộ Tài Chính về việc hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ quyết định số 1458/QĐ-KNTMPTP ngày 10/10/2025 của Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Hà Nội về phê duyệt danh mục, số lượng, yêu cầu kỹ thuật của vật tư tiêu hao sử dụng cho phân tích năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1459/QĐ-KNTMPTP ngày 10/10/2025 của Giám đốc Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Hà Nội về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Vật tư tiêu hao sử dụng cho phân tích năm 2025 tại Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Hà Nội;

Căn cứ quyết định số 1507/QĐ-KNTMPTP ngày 20/10/2025 của Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Hà Nội về phê duyệt E-HSMT gói thầu số 1: Mua sắm vật tư tiêu hao sử dụng cho phân tích năm 2025;

Căn cứ quyết định số 1550/QĐ-KNTMPTP ngày 28/10/2025 của Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Hà Nội về phê duyệt sửa đổi danh mục, yêu cầu kỹ thuật của vật tư tiêu hao sử dụng cho phân tích năm 2025;

Căn cứ TBMT số IB2500459752 đã đăng tải trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia ngày 20/10/2025;

Căn cứ Báo cáo thẩm định ngày 28/10/2025 của Công ty TNHH Tư vấn đấu thầu Thiên Mỹ về việc thẩm định E-HSMT gói thầu: Gói thầu số 1: Mua sắm vật tư tiêu hao sử dụng cho phân tích năm 2025.

Theo đề nghị của Phòng Tổ chức - Hành chính - Quản trị tại Tờ trình ngày 28/10/2025 về việc phê duyệt gia hạn, điều chỉnh nội dung E-HSMT gói thầu: Gói thầu số 1: Mua sắm vật tư tiêu hao sử dụng cho phân tích năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Gia hạn thời gian đóng thầu gói thầu: Gói thầu số 1: Mua sắm vật tư tiêu hao sử dụng cho phân tích năm 2025 để đảm bảo thời điểm đăng tải sửa đổi E-HSMT theo điều 2 còn tối thiểu là 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu mới.

Điều 2. Điều chỉnh nội dung E-HSMT (số TBMT: IB2500459752) đã đăng tải, nội dung cụ thể như sau:

STT	Vị trí trong E-HSMT	Nội dung đã đăng tải	Nội dung sửa đổi
1	PHẠM VI CUNG CẤP HÀNG HÓA/ Chương IV. BIỂU MẪU MỜI THẦU VÀ DỰ THẦU	40. Đĩa petri thủy tinh ø100mm	40. Đĩa petri thủy tinh ø100mm
2	2. Yêu cầu về kỹ thuật/ Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT	Theo phụ lục 1	Theo phụ lục 2

Lý do: Cập nhật nội dung E-HSMT đã đăng tải đúng dự thảo E-HSMT đã lập và được các bên liên quan thống nhất.

Điều 3. Căn cứ nội dung thông tin được điều chỉnh, các phòng chức năng, đơn vị có liên quan thực hiện các bước tiếp theo quy định tại luật đấu thầu và các quy định hiện hành của nhà nước.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các Ông (Bà) Trưởng (phó) các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

- Nơi nhận:
- Như điều 3;
 - Phòng KHTCKT, TCHCQT;
 - Lưu: VT_{LÂM}.

GIÁM ĐỐC
TRUNG TÂM KIỂM NGHIỆM THUỐC, MỸ PHẨM, THỰC PHẨM HÀ NỘI
Nguyễn Thị Hồng Hà

PHỤ LỤC 1

Ban hành kèm theo quyết định số 1507/QĐ-KNTMPTP ngày 20/10/2025
của Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Hà Nội

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn (Nhà thầu có thể chào tương đương hoặc tốt hơn)	Quy cách đóng gói
1.	Băng keo chỉ thị nhiệt 3M hoặc tương đương	Hàng hóa mới 100%	
2.	Bình cầu đáy bằng cổ nhám 1000 ml	Bình cầu loại 1000 ml Đường kính cổ : 24/29	
3.	Bình cầu đáy bằng cổ nhám 500 ml	Bình cầu loại 500 ml Đường kính cổ: 24/29	
4.	Bình định mức thủy tinh, màu nâu, 50 ml	Loại A Chất liệu: thủy tinh Màu: nâu Dung tích: 50 ml Đường kính cổ bình: 11-13 Sai số: $\pm 0,10$ ml Nút nhựa	
5.	Bình định mức thủy tinh, màu nâu 100 ml	Loại A Chất liệu: thủy tinh Màu: nâu Dung tích: 100 ml Sai số: $\pm 0,10$ ml Đường kính cổ bình: 13-15 Nút nhựa	
6.	Bình định mức thủy tinh, màu nâu, 200 ml	Loại A Chất liệu; thủy tinh Màu: nâu Dung tích: 200ml Sai số: $\pm 0,150$ ml Kích thước nút: 10/19 Nút nhựa	
7.	Bình định mức thủy tinh, màu trắng, 5 ml	Loại A Chất liệu: thủy tinh Màu: trắng Dung tích: 5 ml Sai số: $\pm 0,025$ ml Đường kính cổ bình: 9-10 Nút nhựa	
8.	Bình định mức thủy tinh, màu trắng, 10 ml	Loại A Chất liệu: thủy tinh Màu: trắng	

TÂN
HIỆP
PH
I
AM
ỘI

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn (Nhà thầu có thể chào tương đương hoặc tốt hơn)	Quy cách đóng gói
		Dung tích: 10 ml Sai số: $\pm 0,025$ ml Đường kính cổ bình: 9-10 Nút nhựa	
9.	Bình định mức thủy tinh, màu trắng, 20 ml	Loại A Chất liệu; thủy tinh Màu: trắng Dung tích: 20ml Sai số: $\pm 0,04$ ml Đường kính cổ bình: 9-11 Nút nhựa	
10.	Bình định mức thủy tinh, màu trắng, 25 ml	Loại A Chất liệu; thủy tinh Màu: trắng Dung tích: 25ml Sai số: $\pm 0,04$ m Đường kính cổ bình: 9-11 Nút nhựa	
11.	Bình định mức thủy tinh, màu trắng, 50 ml	Loại A Chất liệu; thủy tinh Màu: trắng Dung tích: 50ml Sai số: $\pm 0,06$ ml Đường kính cổ bình: 11-13 Nút nhựa	
12.	Bình định mức thủy tinh, màu trắng, 100 ml	Loại A Chất liệu: thủy tinh Màu: trắng Dung tích: 100 ml Sai số: $\pm 0,10$ ml Đường kính cổ bình: 13-15 Nút nhựa	
13.	Bình định mức thủy tinh, màu trắng 200 ml	Loại A Chất liệu: thủy tinh Màu: trắng Dung tích: 200 ml Sai số: $\pm 0,10$ ml Đường kính cổ bình: 15-16 Nút nhựa	
14.	Bình định mức thủy tinh,	Loại A	

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn (Nhà thầu có thể chào tương đương hoặc tốt hơn)	Quy cách đóng gói
	màu trắng 250 ml	Chất liệu: thủy tinh Màu: trắng Dung tích: 250 ml Sai số: $\pm 0,10$ ml Đường kính cổ bình: 15-16 Nút nhựa	
15.	Bình gạn 250 ml	Phiếu chiết quả lê Dung tích: 250 ml Chất liệu: thủy tinh, khóa nhựa, cổ mài, nắp lục giác nhựa. Kích thước cổ 29/32	
16.	Bình kỵ khí Oxoid hoặc tương đương	Chất liệu: nhựa Kích thước: 2,5L, chứa được 12 đĩa petri	
17.	Bình nón không nút mài thủy tinh, 250 ml	Loại A Chất liệu: Thủy tinh Dung tích: 250ml	
18.	Bình nón nút mài thủy tinh, 100 ml	Chất liệu: thủy tinh Dung tích: 100 ml, có chia vạch Nút mài thủy tinh Kích thước cổ: 29/32	
19.	Bình nón nút mài thủy tinh, 250 ml	Chất liệu: thủy tinh Dung tích: 250 ml, có chia vạch Nút mài thủy tinh Kích thước cổ: 29/32	
20.	Bình tia nước	Chất liệu nhựa Thể tích: 250ml	
21.	Bộ rây kiểm tra độ mịn của thuốc	Chất liệu: kim loại Cỡ mắt rây đáp ứng ĐĐVN V hoặc tiêu chuẩn ISO 565 - 1975	Bộ 12 chiếc cho các cỡ mắt rây
22.	Bộ kẹp cổ bình cầu và sinh hàn	- Kẹp càng cua: Chất liệu: Inox, dài 20-30 cm, khẩu độ ≤ 8 cm - Kẹp có vít xoáy gắn ở đầu kẹp có thể xoay vít ngược theo chiều kim đồng hồ để mở rộng khẩu độ của kẹp.	
23.	Bông thấm nước	Hàng hóa mới 100%	
24.	Bơm tiêm vô trùng 5ml	Vô trùng, không chất gây sốt	
25.	Cốc cân 50 x 30, thủy tinh	Chất liệu thủy tinh, có nắp, chịu được nhiệt độ cao, đáy tròn	
26.	Cốc có mỏ, thủy tinh 25ml	Chất liệu thủy tinh Thể tích 25ml	

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn (Nhà thầu có thể chào tương đương hoặc tốt hơn)	Quy cách đóng gói
		Có chia vạch 10 ml	
27.	Cốc có mỏ, thủy tinh 50ml	Chất liệu thủy tinh Thể tích 50ml Có chia vạch 10 ml	
28.	Cốc có mỏ, thủy tinh, 10 ml	Chất liệu thủy tinh Thể tích 10ml Có chia vạch	
29.	Cốc có mỏ, thủy tinh, 100 ml	Chất liệu thủy tinh Thể tích 100ml Có chia vạch, vạch chia 10 ml	
30.	Cốc có mỏ, thủy tinh, 1000 ml	Chất liệu: thủy tinh Thể tích : 1000 ml Có chia vạch, vạch chia 10 ml Đường kính miệng cốc : Khoảng 11 cm	
31.	Cốc có mỏ, thủy tinh, 250 ml	Chất liệu: thủy tinh Thể tích : 250 ml Có chia vạch, vạch chia 10 ml	
32.	Cốc có mỏ, thủy tinh, 500 ml	Chất liệu: thủy tinh Thể tích : 500 ml Có chia vạch, vạch chia 10 ml	
33.	Chai thủy tinh GL 45 - 50ml	Chất liệu: thủy tinh Dung tích 50ml, có chia vạch; Màu trắng	
34.	Đầu côn 100µl- 1000µl	Chất liệu nhựa, chịu được hoá chất phù hợp với Micropipet EFFENDORF	
35.	Đầu côn 500µl- 5000µl	Chất liệu nhựa, chịu được hoá chất phù hợp với Micropipet EFFENDORF	
36.	Đầu côn không nội độc tố 20 - 200µl	- Không có nội độc tố phù hợp với Micropipet EFFENDORF	
37.	Đầu côn không nội độc tố 20 - 1000µl	- Không có nội độc tố phù hợp với Micropipet EFFENDORF	
38.	Đầu côn micropipette 20 µl - 200 µl	Chất liệu nhựa, chịu được hoá chất phù hợp với Micropipet EFFENDORF	
39.	Đèn cồn	Chất liệu: Thủy tinh chịu nhiệt	
40.	Đĩa peptri thủy tinh ø100mm	Chất liệu thủy tinh chịu nhiệt trong suốt, nắp phẳng đồng nhất Chiều cao: 1,8cm Đường kính: 100mm	
41.	Đĩa Rodac Plate 60 x 15mm	Loại đáy: lõi	

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn (Nhà thầu có thể chào tương đương hoặc tốt hơn)	Quy cách đóng gói
		Kích thước trong: 57.4 x 9.5mm Diện tích bề mặt: 21.5 cm ² Đã tiệt trùng	
42.	Đũa thủy tinh	Chất liệu: thủy tinh	
43.	Găng tay cao su dùng một lần có bột cỡ M	Chất liệu cao su Không vô trùng Có bột	Hộp 100 cái
44.	Găng tay cao su vô trùng không bột (size 7)	Chất liệu cao su tự nhiên Vô trùng	Hộp 100 cái
45.	Giá đựng ống ly tâm	Chất liệu nhựa, 25 vị trí	
46.	Giá đựng ống nghiệm	Chất liệu nhựa, 36 vị trí, đựng được ống nghiệm loại đường kính 180mm	
47.	Giấy lọc ϕ 11 cm, lỗ lọc 15 - 20 μ m	Giấy lọc tốc độ trung bình, cỡ lỗ lọc 15 ÷ 20 μ m. Đường kính: ϕ 11 cm. Hàm lượng tro $\leq$ 0,01 %	
48.	Giấy Parafilm	Không tiệt trùng; Rộng $\times$ Dài :5 cm $\times$ 76 m	
49.	Hộp đựng Vial sắc ký	Loại 100 vị trí Chất liệu: Nhựa chịu được hoá chất Phù hợp với Vial sắc ký loại 1,5 ml - 2 ml Có nắp đậy	
50.	Kéo	Chất liệu : Inox Kích thước: 16cm	
51.	Kéo cong 2 đầu nhọn	Chất liệu : Inox Kích thước: 18cm	
52.	Khẩu trang y tế	Khẩu trang y tế 4 lớp	Hộp 50 cái
53.	Màng lọc Cenllulose Nitrate Filter 0,2 μ m, 47mm tiệt trùng, kẻ sọc, không pad hoặc tương đương	Kích thước màng lọc: ϕ 25mm Chất liệu: Cenllulose Nitrate Kích thước lỗ lọc: 0,2 μ m Có tiệt trùng đóng gói riêng từng màng	
54.	Màng lọc Cenllulose Nitrate Filter 0,45 μ m, 47mm tiệt trùng, kẻ sọc, không pad hoặc tương đương	Kích thước màng lọc: ϕ 25mm Chất liệu: Cenllulose Nitrate Kích thước lỗ lọc: 0,45 μ m	
55.	Màng lọc Nylon Syringe Filter, 0,45 μ m, 25mm hoặc tương đương	Đầu lọc nổi vừa với xi lanh Chất liệu Nylon Đường kính 25mm, cỡ lỗ 0,45 μ m.	Hộp 50 chiếc
56.	Màng lọc regenerated cellulose Syringe Filter,	Đầu lọc nổi vừa với xi lanh Chất liệu regenerated cellulose hoặc	Hộp 50 chiếc

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn (Nhà thầu có thể chào tương đương hoặc tốt hơn)	Quy cách đóng gói
	0.45um, 25mm hoặc tương đương	tương đương Đường kính 25mm, cỡ lỗ 0,45 µm. Thích hợp với các dung môi ưa nước, có khả năng kháng DMSO, các amit khác, xeton, este và các hợp chất ête.	
57.	Màng nhôm bọc thực phẩm Aluminium Foil 45 (16mm x 45cm x 5m) hoặc tương đương	Màng nhôm lá mỏng nhập khẩu kích thước: 45cm x 5m	Hộp 01 cuộn
58.	Mao quản chấm sắc ký 2 µl	Loại A Chất liệu thủy tinh	100 cái/ lọ
59.	Mao quản chấm sắc ký 5 µl	Loại A Chất liệu thủy tinh	100 cái/ lọ
60.	Nắp vial 2ml kèm Septa Silicon/PTFE hoặc tương đương	Nắp vial tiêm mẫu tự động 2ml. Nắp bằng nhựa đường kính 12mm Septa bằng Silicone/ màng PTFE đường kính 9mm	Túi 100 chiếc
61.	Ổng ly tâm	Chất liệu: Nhựa chịu hoá chất Thể tích: 50 ml Có chia vạch Nắp nhựa chịu hoá chất	
62.	Ổng nghiệm nút xoáy 18 mm	Loại A Chất liệu thủy tinh trong suốt, có nắp vặn, chịu nhiệt độ cao, không chia vạch, đáy tròn Kích thước 18 x 180mm	
63.	Ổng sinh hàn 24/29	Loại A Chất liệu: thủy tinh Dạng thẳng, cỡ mài 24/29, dài 300mm	
64.	Ổng sinh hàn 29/32	Loại A Chất liệu: thủy tinh Dạng thẳng, cỡ mài 29/32, dài 300mm	
65.	Pank kẹp có mẫu	Chất liệu tối thiểu bằng thép không gỉ Loại thẳng, dài 25 cm, có mẫu	
66.	Pank kẹp không mẫu	Chất liệu tối thiểu bằng thép không gỉ Loại thẳng, dài 25 cm, không mẫu	
67.	Pipet thẳng, thủy tinh, chia vạch 1 ml	Loại B Độ chính xác chia vạch: 0,02 ml	
68.	Pipet thẳng, thủy tinh, chia vạch 10 ml	Loại B Chất liệu: thủy tinh	

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn (Nhà thầu có thể chào tương đương hoặc tốt hơn)	Quy cách đóng gói
		Thể tích: 10 ml Độ chính xác chia vạch: 0,1 ml	
69.	Pipet thẳng, thủy tinh, chia vạch 25 ml	Loại B Độ chính xác chia vạch: 0,1 ml	
70.	Pipet thẳng, thủy tinh, chia vạch 5 ml	Loại B Chất liệu: thủy tinh Thể tích: 5 ml Độ chính xác chia vạch: 0,05 ml	
71.	Phễu nhựa	Chất liệu nhựa, màu trắng, chịu được hoá chất Đường kính: 6 - 8cm	
72.	Quả bóp 3 van	Loại A Chất liệu cao su trung tính, chịu được hóa chất	
73.	Syringge 5 ml	Chất liệu: Thủy tinh, loại A Thể tích: 5 ml, có chia vạch Có đầu nối với màng lọc	
74.	Túi AnaeroPack - Anaero hoặc tương đương	Hàng hóa mới 100%	Túi 10 cái
75.	Túi hấp tiệt trùng dạng đơn Duo Check (hơi nước/EO) hoặc tương đương	Lớp giấy: loại giấy y khoa (60gsm) Lớp nhựa: nhựa polypropylene cán polyester 2ml Lớp keo dính: 2 mặt phủ lớp polyester 1/2 mil với keo dính acrylic, có khả năng chịu nhiệt tốt Kích cỡ: 30x46cm	
76.	Thìa mức hoá chất inox Micro (Thìa cân) hoặc tương đương	Chất liệu tối thiểu bằng thép không gỉ dài 20 - 25 cm, một đầu dạng chiếc thìa nhỏ, một đầu phẳng.	
77.	Túi dập mẫu không lọc	Thể tích túi 400 ml	500 cái/hộp
78.	Túi dập mẫu có lọc	Thể tích túi 400 ml Kích thước lọc 280µm	500 cái/hộp
79.	Giá Đỡ Phễu Chiết (Bình Lắng Gạn)	Chất liệu tối thiểu thép không gỉ Kích thước: 4 lỗ, phù hợp cho Phễu 250ml Chân đế có hỗ trợ lên xuống, có thể điều chỉnh độ cao từ 250-450mm	

Phụ Lục 2

Ban hành kèm theo quyết định số 1534/QĐ-KNTMPTP ngày 28 / 10/2025
của Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm Hà Nội

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn (Nhà thầu có thể chào tương đương hoặc tốt hơn)	Quy cách đóng gói
1	Bảng keo chỉ thị nhiệt 3M hoặc tương đương	Chỉ thị nhiệt hấp ướt	
2	Bình cầu đáy bằng cổ nhám 1000 ml	Bình cầu đáy bằng cổ nhám Chất liệu thủy tinh borosilicat 3.3 hoặc tương đương Dung tích: 1000 ml Đường kính trong của cổ: 24 mm Cỡ nút côn (NS): 24/29	
3	Bình cầu đáy bằng cổ nhám 500 ml	Bình cầu đáy bằng cổ nhám Chất liệu: thủy tinh borosilicat 3.3 hoặc tương đương Dung tích: 500 ml Đường kính trong của cổ: 24 mm Cỡ nút côn (NS): 24/29	
4	Bình định mức thủy tinh, màu nâu, 50 ml	Loại A Chất liệu: thủy tinh borosilicat 3.3 hoặc tương đương Màu: nâu Dung tích: 50 ml Đường kính trong của cổ: 13 mm ± 1 Cỡ nút côn (NS): 14/23 Sai số (±): ≤ 0,100 ml Nút nhựa	
5	Bình định mức thủy tinh, màu nâu 100 ml	Loại A Chất liệu: thủy tinh borosilicat 3.3 hoặc tương đương Màu: nâu Dung tích: 100 ml Đường kính trong của cổ: 13 mm ± 1 Cỡ nút côn (NS): 14/23 Sai số: ± 0,100 ml Nút nhựa	
6	Bình định mức thủy tinh, màu nâu, 200 ml	Loại A Chất liệu: thủy tinh borosilicat 3.3 hoặc tương đương Màu: nâu Dung tích: 200 ml Đường kính trong của cổ: 15,5 mm ± 1,5 Cỡ nút côn (NS): 14/23	

HO
K
N

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn (Nhà thầu có thể chào tương đương hoặc tốt hơn)	Quy cách đóng gói
		Sai số: $\pm 0,150$ ml Nút nhựa	
7	Bình định mức thủy tinh, màu trắng, 5 ml	Loại A Chất liệu: thủy tinh borosilicat 3.3 hoặc tương đương Màu: trắng Dung tích: 5 ml Đường kính trong của cổ: $9 \text{ mm} \pm 1$ Cỡ nút côn (NS): 10/19 Sai số: $\pm 0,040$ ml Nút nhựa	
8	Bình định mức thủy tinh, màu trắng, 10 ml	Loại A Chất liệu: thủy tinh borosilicat 3.3 hoặc tương đương Màu: trắng Dung tích: 10 ml Đường kính trong của cổ: $9 \text{ mm} \pm 1$ Cỡ nút côn (NS): 10/19 Sai số: $\pm 0,025$ ml Nút nhựa	
9	Bình định mức thủy tinh, màu trắng, 20 ml	Loại A Chất liệu: thủy tinh borosilicat 3.3 hoặc tương đương Màu: trắng Dung tích: 20 ml Đường kính trong của cổ: $9 \text{ mm} \pm 1$ Cỡ nút côn (NS): 10/19 Sai số: $\pm 0,040$ ml Nút nhựa	
10	Bình định mức thủy tinh, màu trắng, 25 ml	Loại A Chất liệu: thủy tinh borosilicat 3.3 hoặc tương đương Màu: trắng Dung tích: 25 ml Đường kính trong của cổ: $9 \text{ mm} \pm 1$ Cỡ nút côn (NS): 10/19 Sai số: $\pm 0,040$ ml Nút nhựa	
11	Bình định mức thủy tinh, màu trắng, 50 ml	Loại A Chất liệu: thủy tinh borosilicat 3.3 hoặc tương đương Màu: trắng Dung tích: 50 ml	

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn (Nhà thầu có thể chào tương đương hoặc tốt hơn)	Quy cách đóng gói
		Đường kính trong của cổ: 13 mm ± 1 Cỡ nút côn (NS): 14/23 Sai số (±): ≤ 0,100 ml Nút nhựa	
12	Bình định mức thủy tinh, màu trắng, 100 ml	Loại A Chất liệu: thủy tinh borosilicat 3.3 hoặc tương đương Màu: trắng Dung tích: 100 ml Đường kính trong của cổ: 13 mm ± 1 Cỡ nút côn (NS): 14/23 Sai số: ± 0,100 ml Nút nhựa	
13	Bình định mức thủy tinh, màu trắng 200 ml	Loại A Chất liệu: thủy tinh borosilicat 3.3 hoặc tương đương Màu: trắng Dung tích: 200 ml Đường kính trong của cổ: 15,5 mm ± 1,5 Cỡ nút côn (NS): 14/23 Sai số: ± 0,150 ml Nút nhựa	
14	Bình định mức thủy tinh, màu trắng 250 ml	Loại A Chất liệu: thủy tinh borosilicat 3.3 hoặc tương đương Màu: trắng Dung tích: 250 ml Đường kính trong của cổ: 15,5 mm ± 1,5 Cỡ nút côn (NS): 14/23 Sai số: ± 0,150 ml Nút nhựa	
15	Bình gạn 250 ml	Phiếu chiết quả lê Dung tích: 250 ml Chất liệu: thủy tinh, khóa nhựa, cổ mài, nắp lục giác nhựa. Cỡ nút côn (NS): 29/32	
16	Bình kỵ khí Oxoid hoặc tương đương	Chất liệu: nhựa Kích thước: 2,5L, chứa được 12 đĩa petri	
17	Bình nón không nút mài thủy tinh, 250 ml	Chất liệu: thủy tinh borosilicat 3.3 hoặc tương đương Dung tích: 250ml	

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn (Nhà thầu có thể chào tương đương hoặc tốt hơn)	Quy cách đóng gói
18	Bình nón nút mài thủy tinh, 100 ml	Chất liệu: thủy tinh borosilicat 3.3 hoặc tương đương Dung tích: 100 ml, có chia vạch Nút mài thủy tinh Cỡ nút côn (NS): 29/32	
19	Bình nón nút mài thủy tinh, 250 ml	Chất liệu: thủy tinh borosilicat 3.3 hoặc tương đương Dung tích: 250 ml, có chia vạch Nút mài thủy tinh Cỡ nút côn (NS): 29/32	
20	Bình tia nước	Chất liệu nhựa Thể tích: 250ml	
21	Bộ rây kiểm tra độ mịn của thuốc	Chất liệu: kim loại Sổ rây, cỡ mắt rây và đường kính sợi dây theo Bảng 3.5 – Phụ lục 3.5 – Dược Điển Việt Nam 5	Bộ 12 chiếc cho các cỡ mắt rây
22	Bộ kẹp cổ bình cầu và sinh hàn	- Kẹp càng cua: Chất liệu: Inox, dài 20-30 cm, khẩu độ ≤ 8 cm - Kẹp có vít xoáy gắn ở đầu kẹp có thể xoay vít ngược theo chiều kim đồng hồ để mở rộng khẩu độ của kẹp.	
23	Bông thấm nước	Hàng hóa mới 100%	
24	Bơm tiêm vô trùng 5ml	Vô trùng, không chất gây sốt	
25	Cốc cân 50 x 30, thủy tinh	Chất liệu thủy tinh borosilicat 3.3 hoặc tương đương, có nắp, chịu được nhiệt độ cao, đáy tròn	
26	Cốc có mỏ, thủy tinh 25ml	Chất liệu thủy tinh borosilicat 3.3 hoặc tương đương Thể tích 25ml Có chia vạch	
27	Cốc có mỏ, thủy tinh 50ml	Chất liệu thủy tinh borosilicat 3.3 hoặc tương đương Thể tích 50ml Có chia vạch	
28	Cốc có mỏ, thủy tinh, 10 ml	Chất liệu thủy tinh borosilicat 3.3 hoặc tương đương Thể tích 10ml	

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn (Nhà thầu có thể chào tương đương hoặc tốt hơn)	Quy cách đóng gói
		Có chia vạch	
29	Cốc có mỏ, thủy tinh, 100 ml	- Chất liệu thủy tinh borosilicat 3.3 hoặc tương đương - Thể tích 100ml - Có chia vạch	
30	Cốc có mỏ, thủy tinh, 1000 ml	Chất liệu: thủy tinh borosilicat 3.3 hoặc tương đương Thể tích : 1000 ml Đường kính miệng cốc khoảng 11 cm Có chia vạch	
31	Cốc có mỏ, thủy tinh, 250 ml	Chất liệu: thủy tinh borosilicat 3.3 hoặc tương đương Thể tích : 250 ml Có chia vạch	
32	Cốc có mỏ, thủy tinh, 500 ml	Chất liệu: thủy tinh borosilicat 3.3 hoặc tương đương Thể tích : 500 ml Có chia vạch	
33	Chai thủy tinh GL 32 - 50ml	Chất liệu: thủy tinh borosilicat 3.3 hoặc tương đương Dung tích 50ml, có chia vạch; Màu trắng	
34	Đầu côn 100µl- 1000µl	Chất liệu nhựa, chịu được hoá chất phù hợp với Micropipet EFFENDORF	
35	Đầu côn 500µl- 5000µl	Chất liệu nhựa, chịu được hoá chất phù hợp với Micropipet EFFENDORF	
36	Đầu côn không nội độc tố 20 - 200µl	- Không có nội độc tố phù hợp với Micropipet EFFENDORF	
37	Đầu côn không nội độc tố 20 - 1000µl	- Không có nội độc tố phù hợp với Micropipet EFFENDORF	
38	Đầu côn micropipette 20 µl - 200 µl	Chất liệu nhựa, chịu được hoá chất phù hợp với Micropipet EFFENDORF	
39	Đèn cồn	Chất liệu: Thủy tinh chịu nhiệt	
40	Đĩa petri thủy tinh ø100mm	Chất liệu thủy tinh chịu nhiệt trong suốt, nắp phẳng đồng nhất Đĩa petri 100mm x 20mm	

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn (Nhà thầu có thể chào tương đương hoặc tốt hơn)	Quy cách đóng gói
41	Đĩa Rodac Plate 60 x 15mm	Loại đáy: lõi Kích thước trong: 57.4 x 9.5mm Diện tích bề mặt: 21.5 cm ² Đã tiệt trùng	
42	Đũa thủy tinh	Chất liệu: thủy tinh Chiều dài: 30cm	
43	Găng tay cao su dùng một lần có bột cỡ M	- Chất liệu cao su - Không vô trùng - Có bột	Hộp 100 cái
44	Găng tay cao su vô trùng không bột (size 7)	- Chất liệu cao su tự nhiên - Vô trùng	Hộp 100 cái
45	Giá đựng ống ly tâm	Chất liệu nhựa, 25 vị trí	
46	Giá đựng ống nghiệm	Chất liệu nhựa, 36 vị trí, đựng được ống nghiệm loại đường kính 180mm	
47	Giấy lọc φ 11 cm, lỗ lọc 15 - 20 μm	Loại dùng cho định lượng. Giấy lọc tốc độ trung bình, cỡ lỗ lọc 15 ÷ 20 μm. Đường kính: φ 11 cm. Hàm lượng tro ≤ 0,01 %	
48	Giấy Parafilm	Không tiệt trùng; Rộng × Dài :5 cm × 76 m	
49	Hộp đựng Vial sắc ký	Loại 100 vị trí Chất liệu: Nhựa chịu được hoá chất Phù hợp với Vial sắc ký loại 1,5 ml - 2 ml Có nắp đậy	
50	Kéo	Chất liệu : Inox Kích thước: 16cm	
51	Kéo cong 2 đầu nhọn	Chất liệu : Inox Kích thước: 18cm	
52	Khẩu trang y tế	Khẩu trang y tế 4 lớp	Hộp 50 cái
53	Màng lọc Cenllulose Nitrate Filter 0,2μm, 47mm tiệt trùng, kẻ sọc, không pad hoặc tương đương	Kích thước màng lọc: φ 47mm Chất liệu: Cenllulose Nitrate Kích thước lỗ lọc: 0,2μm Có tiệt trùng đóng gói riêng từng màng	
54	Màng lọc Cenllulose	Kích thước màng lọc: φ 47mm	

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn (Nhà thầu có thể chào tương đương hoặc tốt hơn)	Quy cách đóng gói
	Nitrate Filter 0,45µm, 47mm tiết trùng, kẻ sọc, không pad hoặc tương đương	Chất liệu: Cenllulose Nitrate Kích thước lỗ lọc: 0,45µm Có tiết trùng đóng gói riêng từng màng	
55	Màng lọc Nylon Syringe Filter, 0.45um, 25mm hoặc tương đương	- Đầu lọc nổi vừa với xi lanh - Chất liệu Nylon - Đường kính 25mm, cỡ lỗ 0,45 µm.	Hộp 50 chiếc
56	Màng lọc regenerated cellulose Syringe Filter, 0.45um, 25mm hoặc tương đương	- Đầu lọc nổi vừa với xi lanh - Chất liệu regenerated cellulose - Đường kính 25mm, cỡ lỗ 0,45 µm. - Thích hợp với các dung môi ưa nước, có khả năng kháng DMSO, các amit khác, xeton, este và các hợp chất ete.	Hộp 50 chiếc
57	Màng nhôm bọc thực phẩm Aluminium Foil 45 (16mm x 45cm x 5m) hoặc tương đương	Màng nhôm lá mỏng kích thước: 45cm x 5m	Hộp 01 cuộn
58	Mao quản chấm sắc ký 2 µl	Chất liệu thủy tinh Màu trắng Chiều dài: 2-3 cm $R \leq 0.5 \%$, $CV \leq 1 \%$	100 cái/ lọ
59	Mao quản chấm sắc ký 5 µl	Chất liệu thủy tinh Màu trắng Chiều dài: 2-3 cm $R \leq 0.5 \%$, $CV \leq 1 \%$	100 cái/ lọ
60	Nắp vial 2ml kèm Septa Silicon/PTFE hoặc tương đương	-Nắp vial tiêm mẫu tự động 2ml. -Nắp bằng nhựa đường kính 12mm -Septa bằng Silicone/ màng PTFE đường kính 9mm	Túi 100 chiếc
61	Ống ly tâm	Chất liệu: Nhựa chịu hoá chất Thể tích: 50 ml Có chia vạch Nắp nhựa chịu hoá chất	
62	Ống nghiệm nút xoáy 18 mm	Loại A Chất liệu thủy tinh borosilicat 3.3 hoặc tương đương trong suốt, có nắp vặn, chịu nhiệt độ cao, không chia vạch, đáy tròn Kích thước 18 x 180mm	
63	Ống sinh hàn 24/29	- Chất liệu: thủy tinh borosilicat 3.3 hoặc	

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn (Nhà thầu có thể chào tương đương hoặc tốt hơn)	Quy cách đóng gói
		tương đương - Dạng thẳng, cổ mài, cỡ nút côn (NS): 24/29, dài 300mm	
64	Ống sinh hàn 29/32	- Chất liệu: thủy tinh borosilicat 3.3 hoặc tương đương - Dạng thẳng, cổ mài, cỡ nút côn (NS): 29/32, dài 300mm	
65	Pank kẹp có mẫu	Chất liệu bằng thép không gỉ Loại thẳng, dài 25 cm, có mẫu	
66	Pank kẹp không mẫu	Chất liệu bằng thép không gỉ Loại thẳng, dài 25 cm, không mẫu	
67	Pipet thẳng, chia vạch 1 ml	- Loại B - Chất liệu: Thủy tinh - Độ chính xác chia vạch: 0,02 ml	
68	Pipet thẳng, chia vạch 10 ml	- Loại B - Chất liệu: Thủy tinh - Độ chính xác chia vạch: 0,1 ml	
69	Pipet thẳng, chia vạch 25 ml	- Loại B - Chất liệu: Thủy tinh - Độ chính xác chia vạch: 0,1 ml	
70	Pipet thẳng, chia vạch 5 ml	- Loại B - Chất liệu: Thủy tinh - Độ chính xác chia vạch: 0,05 ml	
71	Phễu nhựa	Chất liệu nhựa, màu trắng, chịu được hoá chất Đường kính: 6 - 8cm	
72	Quả bóp 3 van	Chất liệu cao su trung tính, chịu được hóa chất	
73	Syringe 5 ml	Chất liệu: Thủy tinh, loại A Thể tích: 5 ml, có chia vạch Có đầu nối với màng lọc	
74	Túi AnaeroPack - Anaero hoặc tương đương	Sản phẩm dùng cho nuôi cấy kỵ khí với số lượng lớn	Túi 10 cái
75	Túi hấp tiệt trùng dạng đơn Duo Check (hơi nước/EO) hoặc tương	Lớp giấy: loại giấy y khoa (60gsm) Lớp nhựa: nhựa polypropylene cán polyester 2ml	

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn (Nhà thầu có thể chào tương đương hoặc tốt hơn)	Quy cách đóng gói
	đương	Lớp keo dính: 2 mặt phủ lớp polyester 1/2 mil với keo dính acrylic, có khả năng chịu nhiệt tốt Kích cỡ: 30x46cm	
76	Thìa mức hoá chất inox Micro (Thìa cân) hoặc tương đương	Chất liệu bằng thép không gỉ dài 20 - 25 cm, một đầu dạng chiếc thìa nhỏ, một đầu phẳng.	
77	Túi dập mẫu không lọc	Thể tích túi 400 ml Chất liệu PolySilk (Polyolefin complex)	500 cái/hộp
78	Túi dập mẫu có lọc	Thể tích túi 400 ml Kích thước lọc 280µm	500 cái/hộp
79	Giá Đỡ Phễu Chiết (Bình Lắng Gạn)	- Chất liệu thép không gỉ - Kích thước: 4 lỗ, phù hợp cho Phễu 250ml - Chân đế có hỗ trợ lên xuống, có thể điều chỉnh độ cao từ 250-450mm	

